

**TÒA ÁN NJ DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 781/2018/DS-PT
Ngày: 27/8/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NJ DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NJ DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hiền.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Giang;
Ông Nguyễn Ngọc Tài.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Nguyễn Phương Ngân –
Thư ký Tòa án NJ dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát NJ dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Võ Phạm
Phương Hạnh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02/8/2018 và ngày 27/8/2018 tại Tòa án NJ dân Thành phố
Hồ Chí Minh, đã mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai đối với vụ án dân sự
phúc thẩm đã thụ lý số 258/2018/TLPT-DS ngày 15 tháng 6 năm 2018 về việc:
“*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 217/2018/DS-ST ngày 12 tháng 02 năm 2018
của Tòa án NJ dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3047/2018/QĐPT-DS
ngày 11 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số
5933/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Đức S - sinh năm 1978. (có mặt)
Địa chỉ: Số 694/5 K, Phường 4, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: Số 228 P, phường C, thành phố M, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Tấn H – sinh năm 1980.
Địa chỉ: Số 47 L, Phường 2, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc J (có mặt)
Địa chỉ: Số 802 Cao ốc A E, Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy ủy quyền số 2832 ngày 16/8/2018 tại Phòng công chứng số 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Ngọc L – sinh năm 1981. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 62/2/18A Q, Phường 7, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Kinh G (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 311/24 Y, quận I, thành phố T

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Bùi Đức S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo nội dung đơn khởi kiện nguyên đơn ông Bùi Đức S trình bày:***

Ngày 22/4/2011 tại địa điểm số 50 đường L, Phường 2, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh, ông Huỳnh Tấn H giới thiệu là Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kiến L (*gọi tắt là Công ty Kiến L*) có mượn ông Bùi Đức S số tiền 350.000.000 đồng để làm công trình sân bóng cỏ nhân tạo tại Cần Thơ. Ông H hẹn sẽ trả tiền sớm khi công trình hoàn thành xong nhưng đến nay ông H vẫn chưa trả tiền. Ông S cho rằng số tiền này là do cá nhân ông H mượn nên yêu cầu Tòa án buộc ông H trả lại số tiền 350.000.000 đồng. Ngoài ra, ông S không yêu cầu triệu tập Công ty Kiến L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

**** Bị đơn ông Huỳnh Tấn H có người đại diện theo ủy quyền là bà Huỳnh Thị Ngọc J trình bày:***

Do sự quen biết ông Bùi Đức S nhờ ông Huỳnh Tấn H tìm giúp người kinh doanh sân cỏ bóng đá nhân tạo để ông S lắp đặt, ông H đã giới thiệu bạn là Nguyễn Kinh G ở Cần Thơ. Ông S nhờ Công ty Kiến L (ông H có cổ phần trong công ty này) đứng tên trong hợp đồng thi công với ông G. Trong quá trình thi công, ông S không thực hiện đúng trách nhiệm trong hợp đồng với ông G nên xảy ra mâu thuẫn. Vì vậy, nên đến giai đoạn lắp đặt, ông S đến nhờ ông H giúp viết không một tờ giấy vay tiền ngày 22/4/2011 là đại diện Công ty Kiến L mượn tiền của ông S để ông S làm tin để đem cỏ xuống lắp đặt. Ông H là bạn của ông G nên đồng ý viết giấy mượn tiền. Mục đích là nếu ông G không trả tiền thì ông S sẽ đưa giấy này cho ông G để ông G nể tình bạn với ông H mà trả tiền. Thực tế không có việc ông H mượn tiền hay nhận tiền của ông S. Vì thế bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông S.

**** Người làm chứng là ông Nguyễn Ngọc L trình bày:***

Ông L xác nhận Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kiến L có ký hợp đồng thi công lắp đặt sân bóng cỏ nhân tạo với ông Nguyễn Kinh G tại Cần Thơ. Ngày 22/4/2011, ông L chứng kiến việc ông S nhờ ông H đại diện cho Công ty Kiến L viết giấy mượn tiền 350.000.000 đồng để ông S dùng số tiền đó mua cỏ nhân tạo để thi công công trình sân bóng nhân tạo cho ông G. Nguyên

nhân là do ông S sợ ông G không trả tiền. Thực tế ông không thấy ông S giao tiền cho ông H.

**** Người làm chứng là ông Nguyễn Kinh G trình bày:***

Ông xác nhận có ký với Công ty Kiến L hợp đồng thi công lắp đặt sân bóng cỏ nhân tạo tại Cần Thơ. Ông chỉ biết ông S là người bên Công ty Kiến L giới thiệu.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông S có đem cỏ xuống lắp đặt nhưng lô cỏ không đúng quy cách nên ông G trả cỏ về và thanh lý hợp đồng. Việc thanh lý hợp đồng do ông S trực tiếp thanh lý đại diện cho Công ty Kiến L. Việc ông S và ông H có vay mượn tiền hay không thì ông G không rõ.

**** Tại bản án số 217/2018/DS-ST ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận U, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:***

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, điểm a khoản 1 Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 96, Điều 97, Điều 210, Điều 269, Điều 273, Điều 277, Điều 278, Điều 280, Điều 281 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 26, Điều 30, Điều 35, Điều 53 và Điều 105 Luật Thi hành dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đức S về việc yêu cầu ông Huỳnh Tấn H phải trả số tiền 350.000.000 đồng.

Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự quận U.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Ông Bùi Đức S phải chịu án phí sơ thẩm là 17.500.000 đồng.

2.2. Trả lại cho ông Bùi Đức S số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 8.750.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AC/2014/0000156 ngày 14/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngày 12/02/2018, nguyên đơn ông Bùi Đức S nộp đơn kháng cáo, nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn đồng thời là người kháng cáo ông Bùi Đức S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án sơ

thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông S. Yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xét xử có mặt hai người làm chứng là ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Kinh G vì vắng mặt người làm chứng ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của nguyên đơn. Căn cứ kháng cáo là bản chính Giấy vay tiền ngày 22/4/2011 của ông Huỳnh Tấn H. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xác định việc giao nhận tiền trong khoảng từ 14 giờ đến 15 giờ ngày 22/4/2011, tiền giao là mệnh giá là 200.000 đồng, giao làm 03 cọc 100.000.000 đồng và 01 cọc 50.000.000 đồng, tổng cộng là 350.000.000 đồng, tại Văn phòng Công ty Kiến L ở số 50 đường L, Phường 2, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn ông Huỳnh Tấn H có người đại diện theo ủy quyền là bà Huỳnh Thị Ngọc J trình bày: Phía bị đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông S, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông S, y án sơ thẩm.

- Người làm chứng là ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Kinh G vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không rõ lý do, được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Về hình thức đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên hợp lệ. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Đức S trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định nên hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Bùi Đức S đề nghị những người làm chứng là ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Kinh G có mặt tại phiên tòa, sau khi hội ý, Hội đồng xét xử thống nhất các người làm chứng đã có bản khai và được công bố tại phiên tòa, đồng thời đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm lần hai, không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của nguyên đơn ông Bùi Đức S, quyết định xử vắng mặt ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Kinh G.

Nguyên đơn xác định khởi kiện cá nhân ông Huỳnh Tấn H, không yêu cầu triệu tập Công ty Kiến L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có cơ sở.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Đức S về khoản vay 350.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 22/4/2011. Theo bản chính Giấy mượn tiền ngày 22/4/2011 ông S cung cấp tại phiên tòa thể hiện việc ông H “*đại diện Công ty Kiến L mượn của anh Bùi Đức S số tiền 350.000.000 đồng để mua cổ nhân tạo lắp đặt tại sân bay Cần Thơ...*” Tại phiên tòa ông S khẳng định cho cá nhân ông H mượn tiền, phía bị đơn không thừa nhận có nhận tiền hay vay tiền của ông S, mà chỉ viết không giúp ông S một Giấy mượn tiền ngày 22/4/2011, thực tế không có việc vay mượn xảy ra giữa ông S và ông H.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại Tòa, xét thấy, có đủ cơ sở xác định giữa ông Bùi Đức S và ông Huỳnh Tấn H có ký Giấy mượn tiền ngày 22/4/2011. Hội đồng xét xử xét thấy, về mặt chủ thể: Giấy mượn tiền ngày 22/4/2011 được giao kết giữa nguyên đơn là ông Bùi Đức S và bị đơn ông Huỳnh Tấn H có đủ năng lực hành vi dân sự để giao kết và thực hiện hợp đồng theo quy định pháp luật. Hai bên đều thừa nhận ông H có viết giấy mượn tiền ông S tuy nhiên nội dung Giấy mượn tiền trên ghi nhận người thỏa thuận vay tiền của ông S là ông H với tư cách đại diện công ty Kiến L. Tòa cấp sơ thẩm đã tạm ngừng phiên tòa ngày 12/4/2017 để triệu tập công ty Kiến L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ việc mượn tiền có liên quan đến công ty Kiến L hay không. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại Đơn kiến nghị ngày 07/8/2017 (BL 163) ông S khẳng định chỉ cho cá nhân ông H vay số tiền 350.000.000 đồng, giao vào sáng ngày 22/4/2011, còn giấy mượn tiền thì ông H viết vào buổi chiều cùng ngày có sự chứng kiến của ông L, vì vậy giấy mượn tiền ngày 22/4/2011 không có sự xác nhận của ông H về việc đã nhận tiền cũng như không có biên nhận nhận tiền. Ông Nguyễn Ngọc L là người làm chứng trong vụ án trên cũng xác nhận có chứng kiến việc ông S yêu cầu ông H viết không giấy mượn tiền vào ngày 22/4/2011 và không thấy ông S giao tiền cho ông H. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông S xác nhận giao nhận tiền với ông H vào buổi chiều trong khoảng từ 14 giờ đến 15 giờ ngày 22/4/2011. Số tiền mệnh giá 200.000 đồng, giao làm 03 cọc 100.000.000 đồng và 01 cọc 50.000.000 đồng, tổng cộng là 350.000.000 đồng, tại Văn phòng Công ty Kiến L ở số 50 đường L, Phường 2, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh. Lời khai này của nguyên đơn không thống nhất với các lời khai trong giai đoạn sơ thẩm.

Xét ông S, ông H, ông L đều thừa nhận ông H có viết giấy mượn tiền ngày 22/4/2011 cho ông S, nhưng ông H không thừa nhận có nhận số tiền 350.000.000 đồng phù hợp với lời khai của người làm chứng ông L. Theo khoản 1 Điều 465 Bộ luật dân sự 2015 quy định nghĩa vụ của bên cho vay cụ thể: “*Giao tài sản cho bên vay đầy đủ, đúng chất lượng, số lượng vào thời điểm và địa điểm đã thỏa thuận*”. Hơn nữa, ông S không xuất trình được chứng cứ nào

cũng như biên nhận tiền chứng minh ông H đã nhận số tiền trên, theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông S về việc buộc ông H phải trả số tiền 350.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 22/4/2011.

Ngoài ra, về căn cứ áp dụng pháp luật, theo lẽ áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 mà cấp sơ thẩm áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 là có sai sót trong áp dụng pháp luật theo Điều 47, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuy nhiên không ảnh hưởng nghiêm trọng đến bản chất vụ án, ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án nên cấp sơ thẩm chỉ cần rút kinh nghiệm. Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không kháng nghị, do đó căn cứ quy định tại Điều 293 Bộ luật dân sự năm 2015, các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 217/2018/DS-ST ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nJ dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh không bị kháng cáo, kháng nghị nên vẫn giữ nguyên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Bùi Đức S phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 91, Điều 147, Điều 148, Điều 293, Điều 296, Điều 306, Khoản 1 Điều 308, Điều 313, Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

* Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Đức S trong hạn luật định được chấp nhận.

* Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Đức S. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 217/2018/DS-ST ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nJ dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đức S về việc yêu cầu ông Huỳnh Tấn H phải trả số tiền 350.000.000 đồng.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Đức S phải nộp là 17.500.000 đồng đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 8.750.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AC/2014/0000156 ngày 14/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận U, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, ông Bùi Đức S còn phải nộp 8.750.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Đức S phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AC/2012/09518 ngày 12/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận U, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông S đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các bên thi hành án tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời H thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có H lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND cấp cao (tại Tp.HCM);
- TAND quận Phú Nhuận;
- VKSND cấp cao (tại Tp.HCM);
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

Trương Văn Hiền